

CHÍNH SÁCH XÓA NGHÈO GIAI ĐOẠN 2025-2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-ĐHKTKT ngày 04 tháng 02 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương)*

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Thiết lập khuôn khổ chính sách nhằm hỗ trợ người học có hoàn cảnh khó khăn được tiếp cận và duy trì cơ hội học tập tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương.
2. Góp phần giảm thiểu tác động của điều kiện kinh tế đến khả năng tiếp cận giáo dục đại học của người học.
3. Phát huy vai trò của Nhà trường trong hoạt động hỗ trợ cộng đồng, nâng cao năng lực nghề nghiệp và cải thiện sinh kế cho các nhóm yếu thế trong xã hội.
4. Tạo dựng môi trường giáo dục công bằng, hội nhập và không rào cản; thúc đẩy cơ hội tiếp cận tri thức bình đẳng cho mọi đối tượng người học và đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng địa phương.
5. Góp phần thực hiện Mục tiêu phát triển bền vững số 1 của Liên Hiệp Quốc về xóa nghèo dưới mọi hình thức.

Điều 2. Căn cứ xây dựng chính sách

Chính sách này được xây dựng trên cơ sở:

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2. Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành.
3. Các quy định của Nhà nước về chính sách hỗ trợ người học, học bổng, tín dụng học tập và an sinh xã hội.
4. Chiến lược phát triển Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương giai đoạn 2025-2030.
5. Bộ Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (SDGs), trong đó SDG 1 về Xóa nghèo.

Điều 3. Phạm vi áp dụng

Chính sách này được áp dụng đối với các hoạt động:

1. Tuyển sinh và hỗ trợ người học.
2. Cấp học bổng và hỗ trợ tài chính.
3. Hỗ trợ việc làm và khởi nghiệp.
4. Hoạt động phục vụ cộng đồng.
5. Hoạt động nghiên cứu và chuyển giao tri thức liên quan đến phát triển xã hội và giảm nghèo.
6. Hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cộng đồng.

Điều 4. Đối tượng áp dụng

1. Sinh viên đang học tập tại Trường.
2. Người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc có hoàn cảnh khó khăn.
3. Sinh viên dân tộc thiểu số.
4. Sinh viên khuyết tật.
5. Sinh viên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc các biến cố đặc biệt.
6. Sinh viên quốc tế đến từ các quốc gia có mức thu nhập thấp hoặc thu nhập trung bình thấp theo phân loại của các tổ chức quốc tế có thẩm quyền (*sau đây gọi tắt là Sinh viên quốc tế thuộc diện ưu tiên*).
7. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường.
8. Các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các chương trình hỗ trợ của Nhà trường.

Chương II: QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU CHÍNH SÁCH

Điều 5. Quan điểm và định hướng thực hiện

1. Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương cam kết không để người học bị từ bỏ hoặc gián đoạn quá trình học tập do hoàn cảnh kinh tế khó khăn.
2. Nhà trường tạo điều kiện để mọi người học được tiếp cận các nguồn lực giáo dục, cơ hội phát triển nghề nghiệp và các chương trình hỗ trợ phù hợp nhằm bảo đảm công bằng trong giáo dục.
3. Nhà trường cam kết áp dụng các cơ chế hỗ trợ phù hợp đối với sinh viên quốc tế đến từ các quốc gia có thu nhập thấp hoặc thu nhập trung bình thấp khi tham gia học tập tại Trường, thông qua các chương trình học bổng, hỗ trợ học tập, tư vấn và các dịch vụ hỗ trợ sinh viên khác theo quy định của Nhà trường.
4. Nhà trường khuyến khích sự tham gia của toàn thể cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp và các nhà hảo tâm trong việc hỗ trợ người học và cộng đồng có hoàn cảnh khó khăn.

Điều 6. Mục tiêu của chính sách

1. Đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục

Tạo điều kiện cho người học thuộc các nhóm yếu thế được tiếp cận giáo dục đại học một cách bình đẳng. Thực hiện cơ chế tuyển sinh và đào tạo minh bạch, linh hoạt; đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ nhằm xóa bỏ rào cản đối với người học, bảo đảm quyền lợi học tập bình đẳng không phụ thuộc vào giới tính, hoàn cảnh kinh tế, tình trạng sức khỏe/khuyết tật, xuất thân dân tộc hay tình trạng cư trú.

2. Giảm tỷ lệ bỏ học vì lý do kinh tế

Triển khai các chương trình hỗ trợ tài chính nhằm giúp người học duy trì quá trình học tập.

3. Mở rộng nguồn học bổng và hỗ trợ tài chính

Đa dạng hóa các nguồn học bổng, tài trợ và hình thức hỗ trợ cho người học. Triển khai định kỳ các chương trình miễn giảm học phí, ưu đãi tài chính dành cho người học thuộc đối tượng ưu tiên hoặc có hoàn cảnh đặc biệt; duy trì quỹ học bổng khuyến khích học tập và cơ chế tuyên dương người học đạt thành tích xuất sắc trong nghiên cứu, phong trào, nghệ thuật và thể thao.

4. Tăng cơ hội việc làm cho sinh viên

Hỗ trợ sinh viên tiếp cận các cơ hội việc làm bán thời gian, thực tập và việc làm sau tốt nghiệp.

5. Hỗ trợ sinh kế và phát triển năng lực cộng đồng

Tổ chức các hoạt động đào tạo kỹ năng, tư vấn nghề nghiệp và chuyển giao tri thức cho cộng đồng. Tăng cường chia sẻ tri thức và đồng hành phát triển cùng cộng đồng địa phương thông qua hỗ trợ các chương trình tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý và người dân trên địa bàn cùng khu vực lân cận.

6. Huy động nguồn lực xã hội

Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân nhằm hỗ trợ người học và các nhóm yếu thế.

7. Thúc đẩy nghiên cứu và phục vụ cộng đồng

Khuyến khích các nghiên cứu, chương trình và dự án phục vụ mục tiêu giảm nghèo bền vững.

8. Hỗ trợ sinh viên quốc tế có hoàn cảnh khó khăn

Tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên quốc tế thuộc diện ưu tiên được tiếp cận giáo dục đại học thông qua các chương trình học bổng, hỗ trợ tài chính, hỗ trợ học tập và các dịch vụ hỗ trợ sinh viên phù hợp.

Chương III: NỘI DUNG THỰC HIỆN

Điều 7. Hỗ trợ người học có hoàn cảnh khó khăn

1. Thực hiện xét cấp học bổng khuyến học, học bổng vượt khó và các hình thức hỗ trợ tài chính khác. Triển khai định kỳ các chương trình miễn giảm học phí, ưu đãi tài chính và cơ chế tuyên dương người học đạt thành tích xuất sắc
2. Hỗ trợ miễn, giảm học phí theo quy định của Nhà nước và của Nhà trường.
3. Triển khai chương trình hỗ trợ học tập cho sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
4. Hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn tín dụng học tập và các chương trình hỗ trợ của xã hội.
5. Xem xét hỗ trợ khẩn cấp đối với sinh viên gặp khó khăn đột xuất do thiên tai, dịch bệnh hoặc biến cố gia đình.
6. Xem xét cấp học bổng, hỗ trợ học phí hoặc hỗ trợ sinh hoạt đối với sinh viên quốc tế thuộc diện ưu tiên có thành tích học tập tốt hoặc có hoàn cảnh khó khăn.
7. Tạo điều kiện cho sinh viên quốc tế thuộc diện ưu tiên tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ học tập, tư vấn tâm lý, hỗ trợ hòa nhập văn hóa và các chương trình phát triển kỹ năng
8. Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tài trợ học bổng hoặc các hình thức hỗ trợ dành cho sinh viên quốc tế thuộc nhóm đối tượng ưu tiên.

Điều 8. Hỗ trợ việc làm và phát triển nghề nghiệp

1. Kết nối doanh nghiệp tuyển dụng sinh viên làm bán thời gian, thực tập và việc làm sau tốt nghiệp.
2. Tổ chức bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp, hỗ trợ các dự án khởi nghiệp sinh viên.
3. Triển khai các chương trình tình nguyện, tập huấn kỹ năng và chuyển giao công nghệ hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng địa phương.

Điều 9. Hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Tổ chức các chương trình tình nguyện vì cộng đồng.
2. Thực hiện các chiến dịch hỗ trợ học sinh, người dân có hoàn cảnh khó khăn.
3. Phối hợp với địa phương triển khai các hoạt động giáo dục, đào tạo và tư vấn nghề nghiệp. Chủ động hỗ trợ các chương trình tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý và người dân trên địa bàn cùng khu vực lân cận ở các lĩnh vực trọng điểm như: Kinh tế, Kỹ thuật - Công nghệ, Quản trị và Phát triển bền vững.
4. Hỗ trợ các chương trình an sinh xã hội tại địa phương.
5. Khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Điều 10. Hoạt động nghiên cứu và chuyển giao tri thức

1. Khuyến khích nghiên cứu về giảm nghèo, phát triển cộng đồng và phát triển bền vững.
2. Hỗ trợ các đề tài nghiên cứu ứng dụng nhằm góp phần cải thiện sinh kế địa phương.
3. Tăng cường các hoạt động tư vấn, chuyển giao tri thức và hỗ trợ phát triển kinh tế cộng đồng.
4. Hợp tác với doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong các hoạt động hỗ trợ sinh kế.

Điều 11. Huy động nguồn lực hỗ trợ

1. Thành lập và phát triển Quỹ hỗ trợ sinh viên BETU.
3. Khuyến khích doanh nghiệp tài trợ học bổng và các chương trình hỗ trợ người học.
4. Vận động cựu sinh viên tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng và người học.
5. Tăng cường hợp tác với các tổ chức xã hội và tổ chức phi chính phủ.
6. Khuyến khích xây dựng các quỹ học bổng và chương trình hợp tác quốc tế nhằm hỗ trợ sinh viên đến từ các quốc gia có thu nhập thấp và thu nhập trung bình thấp.

Chương IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Đơn vị chủ trì

Phòng Công tác sinh viên là đơn vị đầu mối tham mưu, tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Chính sách Xóa nghèo của Nhà trường.

Điều 13. Đơn vị phối hợp

1. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng.
2. Phòng Quản lý đào tạo.
3. Phòng Kế hoạch – Tài chính.
4. Trung tâm Truyền thông và Tư vấn hướng nghiệp
5. Đoàn Thanh niên.
6. Hội Sinh viên.
7. Các Khoa, Trung tâm.
8. Doanh nghiệp và các đối tác liên quan.

Điều 14. Nguồn lực thực hiện

1. Nguồn lực tài chính: Ngân sách của Nhà trường; Quỹ học bổng và hỗ trợ sinh viên; Nguồn tài trợ hợp pháp từ doanh nghiệp và tổ chức; Các chương trình, dự án hợp tác trong và ngoài nước.

2. Nguồn lực nhân sự: Giảng viên; Cán bộ quản lý, nhân viên; Chuyên gia tư vấn; Sinh viên tình nguyện; Cựu sinh viên.

3. Nguồn lực cơ sở vật chất: Hệ thống phòng học; Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; Hệ thống truyền thông của Nhà trường; Các nguồn học liệu và phương tiện hỗ trợ học tập.

Chương V: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN

Điều 15. Chỉ số theo dõi và đánh giá

Nhà trường thực hiện theo dõi tối thiểu các chỉ số sau:

1. Tỷ lệ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ.
2. Số lượng học bổng được cấp hàng năm.
3. Giá trị học bổng và hỗ trợ tài chính được huy động.
4. Tỷ lệ sinh viên thôi học vì khó khăn kinh tế.
5. Số lượng sinh viên được hỗ trợ việc làm.
6. Số lượng chương trình phục vụ cộng đồng được triển khai.
7. Số lượng người hưởng lợi từ các hoạt động hỗ trợ cộng đồng.
8. Số lượng doanh nghiệp và đối tác tham gia đồng hành.
9. Số lượng sinh viên quốc tế thuộc nhóm quốc gia có thu nhập thấp hoặc thu nhập trung bình thấp được hỗ trợ hàng năm.
10. Tổng giá trị học bổng, hỗ trợ tài chính hoặc hỗ trợ học tập dành cho sinh viên quốc tế thuộc nhóm đối tượng ưu tiên.
11. Tỷ lệ sinh viên quốc tế thuộc nhóm đối tượng ưu tiên tiếp tục duy trì việc học và hoàn thành chương trình đào tạo.

Điều 16. Tổ chức theo dõi và giám sát

1. Các đơn vị liên quan có trách nhiệm thu thập số liệu, lưu trữ minh chứng và báo cáo kết quả thực hiện.
2. Báo cáo định kỳ được thực hiện 06 tháng một lần và báo cáo tổng kết năm.
3. Kết quả triển khai được tổng hợp trong Báo cáo phát triển bền vững của Nhà trường.
4. Các kết quả thực hiện được công bố công khai theo quy định của Nhà trường.

Điều 17. Rà soát, đánh giá và cải tiến

1. Chính sách được rà soát tối thiểu 01 lần trong năm học.
2. Đánh giá giữa kỳ vào năm 2027.
3. Đánh giá tổng thể vào năm 2030.
4. Chính sách được xem xét điều chỉnh khi có sự thay đổi về quy định pháp luật, chiến lược phát triển của Nhà trường hoặc yêu cầu từ các tổ chức kiểm định, xếp hạng và các bên liên quan.